

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương;

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 803/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ A, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: số B, tổ H, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai H trình bày: Thông qua mai mối, bà H và ông C kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 20/6/2014. Trong

thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Trịnh Nhã H1, sinh ngày 08/02/2015. Con chung đang được ông C nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau thời gian 07 năm chung sống, đến tháng 02 năm 2022, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông C không chí thú làm ăn. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông C; đồng ý để ông C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Nhã H1, không đồng ý cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn số 102/TLKH-BS, ngày 31/7/2023 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp đối với Nguyễn Thị Mai H, Trịnh Văn C (bản sao); Giấy khai sinh số 223, ngày 07/8/2023 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp đối với Trịnh Nhã H1 (bản sao).

- Bị đơn ông Trịnh Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H được ly hôn với ông C; giao cháu H1 cho ông C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung, không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mai H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn C. Đồng thời, ông C cư trú trên địa bàn thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn

nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà H, ông C đều vắng mặt. Trong đó, bà H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà H và ông C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà H xác định, sau thời gian 07 năm chung sống, đến tháng 02 năm 2022, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông C không chí thú làm ăn và không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2022 đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà H và ông C không còn sống chung từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông C nhưng ông C không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông C là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Trịnh Nhã H1, sinh ngày 08/02/2015. Bà H đồng ý để ông C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo ông C biết về việc ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu H1 trong trường hợp bà H, ông C ly hôn nhưng ông C và cháu H1 vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, nguyện vọng của cháu H1. Tuy nhiên, cháu H1 đang được ông C chăm sóc, nuôi dưỡng và ông C cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu của bà H về việc để ông C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy cháu H1. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông C không yêu cầu và bà H không đồng ý cấp dưỡng nuôi dạy cháu H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai H.

1. Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với ông Trịnh Văn C.

2. Về con chung:

Ông Trịnh Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Nhã H1, sinh ngày 08/02/2015. Bà Nguyễn Thị Mai H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Trịnh Văn C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Mai H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001285 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 18 tháng 12 năm 2023; bà Nguyễn Thị Mai H đã nộp đủ án phí.

Ông Trịnh Văn C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Trịnh Văn C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên (1);
- UBND phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong

